



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC
LOẠI C NHNN NĂM 2019-2020

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI VÀO NHNN CHI NHÁNH TỈNH
KHU VỰC TÂY NAM BỘ (CỤM 5) NĂM 2019-2020

Phòng thi số 01; Vị trí dự thi: Chuyên viên nghiệp vụ

Địa điểm: Phòng 12, Tầng 2 Khoa Công nghệ thông tin và Truyền thông - Trường Đại học Cần Thơ

Thời gian: từ 8h00 - 10h00 ngày 18/9/2020

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị đăng ký	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	NV 5001	Lý Thanh	Bình	20-02-1998		CN An Giang			
2	NV 5002	Vũ Tiến	Bình	01-06-1985		CN An Giang			
3	NV 5003	Lưu Thị Kim	Cương		13-11-1994	CN An Giang			
4	NV 5004	Nguyễn Hồng	Chương	11-05-1995		CN An Giang			
5	NV 5005	Nguyễn Trí	Dũng	16-06-1986		CN An Giang			
6	NV 5006	Nguyễn Tuấn	Duy	27-02-1992		CN An Giang			
7	NV 5007	Lâm Ngọc Mỹ	Duyên		17-03-1994	CN An Giang			
8	NV 5008	Phạm Công	Đồng	18-04-1990		CN An Giang			
9	NV 5009	Nguyễn Thị Diệu	Em		20-10-1990	CN An Giang			
10	NV 5010	Nguyễn Thị Kim	Em		08-05-1988	CN An Giang			
11	NV 5011	Cao Văn	Giàu	09-10-1992		CN An Giang			
12	NV 5012	Võ Thị Ngọc	Giàu		21-02-1996	CN An Giang			
13	NV 5013	Đặng Mỹ	Hạnh		24-12-1990	CN An Giang			
14	NV 5014	Văn Mỹ	Hạnh		02-09-1982	CN An Giang			
15	NV 5015	Vương Thị Bé	Hên		01-01-1990	CN An Giang			
16	NV 5016	Nguyễn Nữ Xuân	Hoàng		19-02-1994	CN An Giang			
17	NV 5017	Từ Thị Kim	Hoàng		08-05-1995	CN An Giang			
18	NV 5018	Lê Quốc	Huy	11-07-1991		CN An Giang			
19	NV 5019	Nguyễn Diệp Ngọc	Huyền		23-06-1996	CN An Giang			
20	NV 5020	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền		15-04-1997	CN An Giang			
21	NV 5021	Trần Thị Bích	Huyền		06-06-1991	CN An Giang			



TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị đăng ký	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
22	NV 5022	Trương Thị Trúc Linh		28-01-1995	CN An Giang			
23	NV 5023	Võ Ngọc Minh	01-01-1993		CN An Giang			
24	NV 5024	Cao Thị Diễm My		22-12-1993	CN An Giang			
25	NV 5025	Huỳnh Nguyễn Kim Ngân		09-05-1993	CN An Giang			
26	NV 5026	Nguyễn Thị Bảo Ngọc		06-02-1993	CN An Giang			
27	NV 5027	Nguyễn Minh Phúc	13-12-1986		CN An Giang			
28	NV 5028	Nguyễn Thị Nguyệt Phương		16-02-1995	CN An Giang			
29	NV 5029	Trần Phạm Mai Phương		04-05-1989	CN An Giang			
30	NV 5030	Trương Nhật Hoàng Yến		17-08-1990	CN An Giang			
31	NV 5031	Thái Thị Yến Phượng		07-11-1997	CN An Giang			
32	NV 5032	Vương Bích Phượng		30-01-1995	CN An Giang			
33	NV 5033	Bùi Thảo Quyên		10-10-1997	CN An Giang			
34	NV 5034	Nguyễn Thị Như Quỳnh		13-02-1995	CN An Giang			
35	NV 5035	Đoàn Phi Sơn	20-02-1992		CN An Giang			
36	NV 5036	Huỳnh Hữu Tâm	25-11-1993		CN An Giang	x		Cử nhân tiếng Anh
37	NV 5037	Nguyễn Thị Thanh Tâm		04-07-1995	CN An Giang			
38	NV 5038	Trương Mậu Tiên	30-08-1995		CN An Giang			

2



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC
LOẠI C NHNN NĂM 2019-2020

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI VÀO NHNN CHI NHÁNH TỈNH
KHU VỰC TÂY NAM BỘ (CỤM 5) NĂM 2019-2020**

Phòng thi số 02; Vị trí dự thi: Chuyên viên nghiệp vụ

Địa điểm: Phòng 13, Tầng 2 Khoa Công nghệ thông tin và Truyền thông - Trường Đại học Cần Thơ

Thời gian: từ 8h00 - 10h00 ngày 18/9/2020

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị đăng ký	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	NV 5039	Lê Kim Tín		22-06-1993	CN An Giang			
2	NV 5040	Nguyễn Thanh Tú	20-03-1988		CN An Giang			
3	NV 5041	Nguyễn Thanh Tuấn	08-04-1990		CN An Giang		HT NV quân sự đủ 24th	
4	NV 5042	Nguyễn Thị Thanh Tuyền		19-03-1996	CN An Giang			
5	NV 5043	Mai Ngọc Phương Thanh		15-01-1989	CN An Giang			
6	NV 5044	Phan Thị Phương Thanh		29-05-1991	CN An Giang			
7	NV 5045	Nguyễn Thị Xuân Trang		20-01-1990	CN An Giang			
8	NV 5046	Võ Thị Thùy Trang		19-04-1993	CN An Giang			
9	NV 5047	Trương Ngọc Bích Trâm		03-01-1988	CN An Giang			
10	NV 5048	Châu Kim Trung	09-10-1990		CN An Giang			
11	NV 5049	Cao Thị Ngọc Vân		12-08-1987	CN An Giang			
12	NV 5050	Phạm Thị Kiều Vân		01-05-1995	CN An Giang			
13	NV 5051	Nguyễn Thị Ngọc Yến		18-10-1994	CN An Giang			
14	NV 5173	Trần Ngọc Ngân Bình		11-08-1992	CN Sóc Trăng			
15	NV 5174	Huỳnh Ngọc Diễm		05-04-1996	CN Sóc Trăng		Dân tộc Khmer	
16	NV 5175	Phạm Kim Duy	06-07-1995		CN Sóc Trăng			
17	NV 5176	Trần Thị Mỹ Duy		04-01-1994	CN Sóc Trăng			
18	NV 5177	Huỳnh Anh Đài		21-11-1983	CN Sóc Trăng			
19	NV 5178	Quách Huệ Mẫn		23-12-1990	CN Sóc Trăng		Dân tộc Hoa	
20	NV 5179	Trương Đức Nam	15-03-1986		CN Sóc Trăng			
21	NV 5180	Trần Tuyết Nương		24-10-1991	CN Sóc Trăng			
22	NV 5181	Huỳnh Kim Ngân		03-01-1995	CN Sóc Trăng			



12

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị đăng ký	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
23	NV 5182	Hàng Diễm	Ngọc		27-04-1993	CN Sóc Trăng			
24	NV 5183	Kha Như	Ngọc		06-11-1994	CN Sóc Trăng		Dân tộc Hoa	
25	NV 5184	Trần Thị Cẩm	Nhiên		24-05-1990	CN Sóc Trăng			
26	NV 5185	Quách Huỳnh	Nhật	11-01-1983		CN Sóc Trăng		Dân tộc Hoa	
27	NV 5186	Nguyễn Hồng	Phong	19-08-1983		CN Sóc Trăng			Trung cấp CNTT
28	NV 5187	Trần Kim	Phượng		29-03-1991	CN Sóc Trăng		Dân tộc Hoa	
29	NV 5188	Phan Thị Thanh	Tuyền		28-01-1989	CN Sóc Trăng			
30	NV 5189	Nguyễn Đức	Thịnh	17-11-1989		CN Sóc Trăng			
31	NV 5190	Võ Thị Thùy	Trang		18-07-1989	CN Sóc Trăng		Con thương binh	
32	NV 5191	Đào Thị Tú	Trân		01-11-1991	CN Sóc Trăng			
33	NV 5192	Thái Thảo	Trân		03-12-1989	CN Sóc Trăng		Dân tộc Hoa	
34	NV 5193	Phan Minh	Trí	16-02-1994		CN Sóc Trăng			
35	NV 5194	Bùi Diễm	Trinh		25-10-1987	CN Sóc Trăng			
36	NV 5195	Huỳnh Trịnh Thanh	Trúc		22-06-1990	CN Sóc Trăng			
37	NV 5196	Trần Minh	Trường	21-08-1993		CN Sóc Trăng		Dân tộc Hoa	
38	NV 5197	Trần Thị Ái	Vân		18-07-1993	CN Sóc Trăng			

h



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC
LOẠI C NHNN NĂM 2019-2020

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI VÀO NHNN CHI NHÁNH TỈNH
KHU VỰC TÂY NAM BỘ (CỤM 5) NĂM 2019-2020**

Phòng thi số 03; Vị trí dự thi: Chuyên viên nghiệp vụ

Địa điểm: Phòng 15, Tầng 2 Khoa Công nghệ thông tin và Truyền thông - Trường Đại học Cần Thơ

Thời gian: từ 8h00 - 10h00 ngày 18/9/2020

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị đăng ký	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	NV 5070	Nguyễn Trường An	18-12-1991		CN Bến Tre			
2	NV 5071	Cao Thị Ngọc Anh		13-10-1987	CN Bến Tre			
3	NV 5072	Trương Nguyên Thùy Anh		27-04-1988	CN Bến Tre			
4	NV 5073	Nguyễn Lê Thái Bình	26-01-1986		CN Bến Tre		HT NV quân sự đủ 24th	
5	NV 5074	Nguyễn Ngọc Cẩm		16-04-1990	CN Bến Tre			
6	NV 5075	Nguyễn Phú Cường	01-01-1991		CN Bến Tre			
7	NV 5076	Đặng Thị Mỹ Châu		18-10-1993	CN Bến Tre			
8	NV 5077	Nguyễn Kim Danh		13-03-1988	CN Bến Tre			
9	NV 5078	Lê Thị Quỳnh Dao		12-09-1994	CN Bến Tre			
10	NV 5079	Đặng Tấn Duẩn	10-05-1977		CN Bến Tre		Con thương bình	
11	NV 5080	Phạm Thị Mỹ Dung		16-10-1988	CN Bến Tre			
12	NV 5081	Nguyễn Thị Kiều Duyên		11-09-1990	CN Bến Tre			
13	NV 5082	Trần Trung Hậu	16-10-1988		CN Bến Tre			
14	NV 5083	Dương Thị Kim Hoàng		10-10-1987	CN Bến Tre			
15	NV 5084	Thái Thị Lan		10-03-1990	CN Bến Tre		Con thương bình	
16	NV 5085	Nguyễn Lê Toàn Cẩm Linh		28-08-1993	CN Bến Tre			
17	NV 5086	Trịnh Quốc Lộc	28-10-1984		CN Bến Tre			
18	NV 5087	Trần Thị Hồng Nghi		30-07-1988	CN Bến Tre			
19	NV 5088	Huỳnh Thảo Nguyên		14-01-1997	CN Bến Tre			
20	NV 5089	Cao Thành Nhân	13-11-1995		CN Bến Tre			



12

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị đăng ký	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
21	NV 5090	Phạm Huỳnh Yến Nhi		02-03-1990	CN Bến Tre			
22	NV 5091	Đoàn Trọng Nhi	13-11-1989		CN Bến Tre			
23	NV 5092	Mai Thị Hồng Nhung		31-10-1989	CN Bến Tre			
24	NV 5093	Phan Quỳnh Như		14-04-1992	CN Bến Tre			
25	NV 5094	Vũ Minh Phương		14-01-1995	CN Bến Tre			
26	NV 5095	Nguyễn Thị Hồng Quế		25-10-1995	CN Bến Tre			
27	NV 5096	Đỗ Như Quỳnh		10-10-1987	CN Bến Tre			
28	NV 5097	Trần Nguyễn Sang	22-01-1991		CN Bến Tre			
29	NV 5098	Nguyễn Mộng Tuyền		02-07-1985	CN Bến Tre			
30	NV 5099	Nguyễn Thị Thanh Thảo		09-05-1991	CN Bến Tre			
31	NV 5100	Trương Thị Phương Trâm		31-08-1998	CN Bến Tre			
32	NV 5101	Nguyễn Thanh Trúc		25-05-1992	CN Bến Tre			
33	NV 5102	Nguyễn Vũ Hùng Vương	23-10-1993		CN Bến Tre			
34	NV 5103	Trần Ngọc Minh Vy		13-02-1993	CN Bến Tre			
35	NV 5104	Phạm Nguyễn Tường Vy		05-05-1997	CN Bến Tre			
36	NV 5105	Nguyễn Thị Bảo Xuyên		10-10-1988	CN Bến Tre			
37	NV 5106	Nguyễn Thị Nguyệt Yến		11-11-1991	CN Bến Tre			



Handwritten signature or mark.



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC
LOẠI C NHNN NĂM 2019-2020

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI VÀO NHNN CHI NHÁNH TỈNH
KHU VỰC TÂY NAM BỘ (CỤM 5) NĂM 2019-2020

Phòng thi số 04; Vị trí dự thi: Chuyên viên nghiệp vụ

Địa điểm: Phòng 16, Tầng 2 Khoa Công nghệ thông tin và Truyền thông - Trường Đại học Cần Thơ

Thời gian: từ 8h00 - 10h00 ngày 18/9/2020

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị đăng ký	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	NV 5198	Huỳnh Thị Thu Chi		22-3-1993	CN Trà Vinh			
2	NV 5199	Nguyễn Thị Dung		24-3-1997	CN Trà Vinh			
3	NV 5200	Trần Thị Mỹ Duyên		04-8-1998	CN Trà Vinh			
4	NV 5201	Nguyễn Thành Được	15-10-1992		CN Trà Vinh			
5	NV 5202	Huỳnh Thị Cẩm Giang		19-12-1995	CN Trà Vinh			
6	NV 5203	Trần Hiệp Hòa	21-10-1987		CN Trà Vinh			
7	NV 5204	Huỳnh Thị Thu Hương		01-01-1993	CN Trà Vinh		Dân tộc Khmer	
8	NV 5205	Ngô Thị Thảo Linh		04-12-1994	CN Trà Vinh			
9	NV 5206	Dương Thị Kim Ngọc		05-9-1993	CN Trà Vinh		Dân tộc Khmer	
10	NV 5207	Huỳnh Phước Nhân	11-3-1992		CN Trà Vinh			
11	NV 5208	Đặng Huỳnh Như		25-3-1997	CN Trà Vinh			
12	NV 5209	Lâm Thị Pha		18-10-1990	CN Trà Vinh			
13	NV 5210	Nguyễn Thị Ánh Phụng		25-10-1997	CN Trà Vinh			
14	NV 5211	Nguyễn Thị Xuân Tâm		14-02-1996	CN Trà Vinh			
15	NV 5212	Lê Trung Tính	18-8-1993		CN Trà Vinh		HTNV quân sự 24T	
16	NV 5213	Phạm Anh Tuyền		30-12-1997	CN Trà Vinh			
17	NV 5214	Huỳnh Thị Phương Thảo		10-12-1989	CN Trà Vinh			
18	NV 5215	Nguyễn Thị Phương Thảo		05/07/1987	CN Trà Vinh			
19	NV 5216	Phan Thị Thảo		24-02-1992	CN Trà Vinh			
20	NV 5217	Đỗ Thanh Thủy		15-7-1985	CN Trà Vinh			
21	NV 5218	Nguyễn Huỳnh Minh Thư		29-12-1997	CN Trà Vinh			
22	NV 5219	Trần Thanh Trà		23-3-1993	CN Trà Vinh			



AK

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị đăng ký	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
23	NV 5220	Ngô Thị Trúc		26-3-1994	CN Trà Vinh			
24	NV 5221	Trần Thanh Trúc		01-6-1993	CN Trà Vinh			
25	NV 5222	Nguyễn Minh Trung	01-01-1992		CN Trà Vinh			
26	NV 5223	Nguyễn Hoàng Vũ	19-9-1986		CN Trà Vinh			
27	NV 5224	Nguyễn Thị Kim Xuyên		02-01-1996	CN Trà Vinh			





NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC
LOẠI C NHNN NĂM 2019-2020

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI VÀO NHNN CHI NHÁNH TỈNH
KHU VỰC TÂY NAM BỘ (CỤM 5) NĂM 2019-2020**

Phòng thi số 05; Vị trí dự thi: Chuyên viên nghiệp vụ

Địa điểm: Phòng 17, Tầng 2 Khoa Công nghệ thông tin và Truyền thông - Trường Đại học Cần Thơ

Thời gian: từ 8h00 - 10h00 ngày 18/9/2020

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị đăng ký	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	NV 5052	Trần Thị Thúy	An		13-10-1990	CN Bạc Liêu			
2	NV5053	Lâm Phong	Cảnh	30-07-1991		CN Bạc Liêu		ĐV tri thức trẻ TN	
3	NV 5054	Lê Ngọc	Hà		14-08-1993	CN Bạc Liêu			
4	NV 5055	Lâm Thúy	Huỳnh		23-06-1986	CN Bạc Liêu			
5	NV 5056	Trần Thị Ngọc	Lành		02-02-1996	CN Bạc Liêu			
6	NV 5057	Nguyễn Thị Bạch	Loan		04-12-1996	CN Bạc Liêu			
7	NV 5058	Thạch Thị Tuyết	Ngân		25-5-1992	CN Bạc Liêu		Dân tộc Khmer	
8	NV 5059	Nguyễn Minh	Nguyệt		19-09-1986	CN Bạc Liêu			
9	NV 5060	Trần Minh	Nhất	02-02-1992		CN Bạc Liêu		Sĩ quan dự bị	
10	NV 5061	Trần Bích	Như		28-03-1980	CN Bạc Liêu			
11	NV 5062	Trương Hoài	Phương	22-12-1990		CN Bạc Liêu			
12	NV 5063	Lý Chúc	Phương		12-11-1988	CN Bạc Liêu			
13	NV 5064	Lê Thị Như	Quỳnh		08-02-1995	CN Bạc Liêu			
14	NV 5065	Võ Quang	Thạnh	14-02-1994		CN Bạc Liêu			
15	NV 5066	Phạm Thanh	Thảo	22-03-1980		CN Bạc Liêu			
16	NV 5067	Dương Minh	Thư		05-11-1997	CN Bạc Liêu			
17	NV 5068	Lưu Thị Bích	Trâm		29-09-1990	CN Bạc Liêu			
18	NV 5069	Trần Thu	Xuyên		30-07-1995	CN Bạc Liêu			
19	NV 5154	Nguyễn Thị Thùy	An		12-08-1988	CN Kiên Giang			
20	NV 5155	Nguyễn Thành	Dương	15-05-1992		CN Kiên Giang			
21	NV 5156	Dương Lý	Hạnh		26-08-1986	CN Kiên Giang		Dân tộc Hoa	



TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị đăng ký	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
22	NV 5157	Lê Thị Mỹ Hằng		04-07-1991	CN Kiên Giang	x		Cử nhân tiếng Anh
23	NV 5158	Võ Thị Diệu Hiền		04-11-1988	CN Kiên Giang			
24	NV 5159	Lý Thị Kiều Loan		19-03-1993	CN Kiên Giang			
25	NV 5160	Trần Thành Long	08-10-1996		CN Kiên Giang			
26	NV 5161	Lê Phan Phương Nam	31-03-1993		CN Kiên Giang			
27	NV 5162	Nguyễn Kim Ngân		15-06-1992	CN Kiên Giang			
28	NV 5163	Trương Nguyễn Kim Ngọc		01-07-1992	CN Kiên Giang			
29	NV 5164	Vũ Thị Ngọc		05-07-1989	CN Kiên Giang		Con thương binh	
30	NV 5165	Nguyễn Thị Kim Nguyên		20-11-1994	CN Kiên Giang			
31	NV 5166	Lê Thị Nhân		03-07-1992	CN Kiên Giang			
32	NV 5167	Lê Huỳnh Như		30-12-1992	CN Kiên Giang			
33	NV 5168	Vũ Phước Tài	15-07-1996		CN Kiên Giang			
34	NV 5169	Nguyễn Minh Thành	14-01-1992		CN Kiên Giang			
35	NV 5170	Võ Kim Thi		22-05-1990	CN Kiên Giang			
36	NV 5171	Nguyễn Thị Huyền Trang		14-01-1989	CN Kiên Giang			
37	NV 5172	Hồ Bảo Trọng	15-04-1998		CN Kiên Giang			



Handwritten mark or signature.



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC
LOẠI C NHNN NĂM 2019-2020

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI VÀO NHNN CHI NHÁNH TỈNH
KHU VỰC TÂY NAM BỘ (CỤM 5) NĂM 2019-2020

Phòng thi số 06; Vị trí dự thi: Chuyên viên nghiệp vụ

Địa điểm: Phòng 23, Tầng 2 Khoa Công nghệ thông tin và Truyền thông - Trường Đại học Cần Thơ

Thời gian: từ 8h00 - 10h00 ngày 18/9/2020

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị đăng ký	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	NV 5107	Nguyễn Bình	An	17-10-1993		CN Cà Mau			
2	NV5108	Phạm Tuấn	Anh	31-05-1994		CN Cà Mau			
3	NV 5109	Nguyễn Tri	Ân	01-02-1990		CN Cà Mau			
4	NV 5110	Võ Kiều	Diễm		24-8-1989	CN Cà Mau			
5	NV 5111	Trần Thị Chuyển	Em		16-9-1983	CN Cà Mau		Con thương bình	
6	NV 5112	Trương Hoàng	Giúp	16-4-1989		CN Cà Mau			
7	NV 5113	Trần Trung	Hiếu	20-11-1993		CN Cà Mau			
8	NV 5114	Lý Thị Phương	Hồng		13-10-1991	CN Cà Mau			
9	NV 5115	Đàm Thị Cẩm	Linh		03-8-1992	CN Cà Mau			
10	NV 5116	Hồ Kim	Ngân		09-11-1988	CN Cà Mau			Cử nhân CNTT
11	NV 5117	Hứa Văn	Nghị	05-12-1991		CN Cà Mau			
12	NV 5118	Dương Nguyễn Trọng	Nghĩa	03-12-1994		CN Cà Mau			
13	NV 5119	Hồ Thị Cẩm	Nhung		16-01-1989	CN Cà Mau			
14	NV 5120	Lâm Thị Quỳnh	Như		16-7-1992	CN Cà Mau			
15	NV 5121	Nguyễn Huỳnh	Như		01-3-1992	CN Cà Mau			
16	NV 5122	Lê Minh	Nhật	29-3-1993		CN Cà Mau			
17	NV 5123	Lâm Thụy Hồng	Phương		11-6-1984	CN Cà Mau	x		Cử nhân tiếng Anh
18	NV 5124	Lê Nhật	Tân	10-12-1990		CN Cà Mau			
19	NV 5125	Nguyễn Trí	Tuệ	14-8-1990		CN Cà Mau			
20	NV 5126	Trần Bích	Tuyền		11-7-1994	CN Cà Mau			
21	NV 5127	Nguyễn Minh	Thắng	18-8-1987		CN Cà Mau			



th

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị đăng ký	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
22	NV 5128	Phạm Lục	Thông	01-6-1991		CN Cà Mau			
23	NV 5129	Trần Thị Thanh	Thúy		22-9-1989	CN Cà Mau			
24	NV 5130	Đỗ Thị Kiều	Trang		07-10-1993	CN Cà Mau			
25	NV 5131	Nguyễn Thị Thùy	Trang		24-5-1994	CN Cà Mau			
26	NV 5132	Nguyễn Thùy	Trang		25-12-1988	CN Cà Mau			
27	NV 5133	Bùi Thị Ngọc	Anh		14-06-1994	CN Đồng Tháp			
28	NV 5134	Dương Thị Ngọc	Ánh		22-04-1989	CN Đồng Tháp			
29	NV 5135	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên		05-07-1995	CN Đồng Tháp			
30	NV 5136	Ngô Thị Cẩm	Giang		10-12-1993	CN Đồng Tháp			
31	NV 5137	Huỳnh Ngọc	Hiệp	20-08-1988		CN Đồng Tháp			
32	NV 5138	Võ Lệ	Huyền		20-09-1991	CN Đồng Tháp			
33	NV 5139	Trần Đăng	Khoa	01-05-1996		CN Đồng Tháp			
34	NV 5140	Nguyễn Thị Mỹ	Ngân		07-09-1997	CN Đồng Tháp			
35	NV 5141	Cao Xuân Ý	Nhi		21-12-1994	CN Đồng Tháp			
36	NV 5142	Nguyễn Ngọc	Nhiều	01-07-1990		CN Đồng Tháp			
37	NV 5143	Nguyễn Hồng	Phúc	17-05-1988		CN Đồng Tháp			
38	NV 5144	Lê Nguyễn Tuyết	Phương		11-12-1996	CN Đồng Tháp			
39	NV 5145	Nguyễn Văn	Sang	01-07-1991		CN Đồng Tháp			
40	NV 5146	Nguyễn Thị Hồng	Tươi		20-12-1996	CN Đồng Tháp			
41	NV 5147	Trần Ngọc	Thanh	19-08-1988		CN Đồng Tháp			
42	NV 5148	Trần Trung	Thành	07-04-1990		CN Đồng Tháp			
43	NV 5149	Lê Thanh	Thảo		01-10-1989	CN Đồng Tháp			
44	NV 5150	Thân Thị Hồng	Thắm		13-12-1985	CN Đồng Tháp			
45	NV 5151	Ngô Minh	Thùy		10-09-1990	CN Đồng Tháp			
46	NV 5152	Trần Huỳnh Phương	Thy		09-09-1991	CN Đồng Tháp			
47	NV 5153	Nguyễn Thị Thùy	Trâm		25-04-1994	CN Đồng Tháp			

12



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC
LOẠI C NHNN NĂM 2019-2020

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI VÀO NHNN CHI NHÁNH TỈNH
KHU VỰC TÂY NAM BỘ (CỤM 5) NĂM 2019-2020

Phòng thi số 7; Vị trí dự thi: Chuyên viên nghiệp vụ

Địa điểm: Phòng 24, Tầng 2 Khoa Công nghệ thông tin và Truyền thông - Trường Đại học Cần Thơ

Thời gian: từ 8h00 - 10h00 ngày 18/9/2020

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị đăng ký	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	NV 5225	Lâm Hồng	Anh		16-05-1981	CN Vĩnh Long			
2	NV 5226	Trần Thị Nguyệt	Ánh		18-11-1994	CN Vĩnh Long			
3	NV 5227	Nguyễn Thị Ngọc	Chân		01-05-1990	CN Vĩnh Long			
4	NV 5228	Hồ Minh	Châu	15-04-1993		CN Vĩnh Long			
5	NV 5229	Trần Trung	Chiến	30-04-1985		CN Vĩnh Long		Con thương bình	
6	NV 5230	Huỳnh Tiến	Danh	02-05-1991		CN Vĩnh Long			
7	NV 5231	Phan Thị Ngọc	Diệp		09-07-1982	CN Vĩnh Long			
8	NV 5232	Nguyễn Quốc	Đại	05-06-1989		CN Vĩnh Long			
9	NV 5233	Nguyễn Thị Hồng	Gấm		28-08-1991	CN Vĩnh Long			
10	NV 5234	Âu Thanh Ngân	Giang		25-05-1996	CN Vĩnh Long			
11	NV 5235	Nguyễn Vinh Hà	Giang		31-12-1996	CN Vĩnh Long			
12	NV 5236	Đặng Hữu	Hiền	12-10-1990		CN Vĩnh Long			
13	NV 5237	Nguyễn Khánh	Hồng		22-04-1989	CN Vĩnh Long			
14	NV 5238	Ngô Ngọc	Hương		15-02-1988	CN Vĩnh Long			
15	NV 5239	Lý Kim	Khanh		11-07-1991	CN Vĩnh Long			
16	NV 5240	Phạm Phùng	Khánh	07-09-1989		CN Vĩnh Long			
17	NV 5241	Thạch Thị Trúc	Linh		15-03-1993	CN Vĩnh Long		Dân tộc Khmer	
18	NV 5242	Đặng Trần Xuân	Nam	03-07-1991		CN Vĩnh Long			
19	NV 5243	Nguyễn Sơn	Nam	01-12-1991		CN Vĩnh Long			
20	NV 5244	Nguyễn Duy	Ngọc	11-11-1990		CN Vĩnh Long			
21	NV 5245	Nguyễn Thị Mỹ	Ngọc		30-04-1994	CN Vĩnh Long			

Handwritten signature

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị đăng ký	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
22	NV 5246	Trịnh Phạm Thanh	Nhi	09-05-1990		CN Vĩnh Long			
23	NV 5247	Tôn Thị Hồng	Nhung		05-09-1992	CN Vĩnh Long			
24	NV 5248	Trần Huyền	Nhung		28-07-1994	CN Vĩnh Long			
25	NV 5249	Bùi Minh	Nhật	18-09-1992		CN Vĩnh Long			
26	NV 5250	Ban Thị Diễm	Phúc		28-07-1992	CN Vĩnh Long			
27	NV 5251	Vũ Minh	Tuấn	19-01-1990		CN Vĩnh Long			
28	NV 5252	Nguyễn Phương	Tuyền		10-02-1990	CN Vĩnh Long			
29	NV 5253	Nguyễn Chí	Thanh	18-08-1991		CN Vĩnh Long			
30	NV 5254	Trương Thị Hồng	Thắm		15-04-1997	CN Vĩnh Long			
31	NV 5255	Lê Minh	Thiện	13-10-1991		CN Vĩnh Long			
32	NV 5256	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy		26-03-1984	CN Vĩnh Long		Con thương bình	
33	NV 5257	Trương Thị Thanh	Thúy		09-06-1989	CN Vĩnh Long			
34	NV 5258	Nguyễn Thị Thùy	Trang		30-06-1993	CN Vĩnh Long			
35	NV 5259	Lê Minh	Triết	12-11-1995		CN Vĩnh Long			
36	NV 5260	Võ Thanh	Trúc		06-01-1988	CN Vĩnh Long			
37	NV 5261	Trần Quốc	Việt	24-05-1989		CN Vĩnh Long			
38	NV 5262	Trần Quang	Vinh	21-04-1976		CN Vĩnh Long			
39	NV 5263	Trần Phạm Phong Huy	Vũ	12-01-1994		CN Vĩnh Long			

th